

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1732 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2025. Các công bố trước đây về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa có liên quan hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH
VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1732 /QĐ-BXD ngày 09 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính do Trung ương giải quyết				
1	1.002763	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
2	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn		
3	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn		
4	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời		
5	1.002578	Đăng ký tàu biển đang đóng		
6	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ		
7	1.002582	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển		
8	1.002508	Xóa đăng ký		
9	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Chấp thuận đặt tên tàu biển

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển trả lời chủ tàu bằng văn bản theo mẫu; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai chấp thuận đặt tên theo mẫu;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng

thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận tên tàu biển.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai chấp thuận đặt tên;
- Văn bản chấp thuận đặt tên tàu biển.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

Tàu biển Việt Nam phải được đặt tên và theo nguyên tắc sau đây:

- Tên tàu biển do chủ tàu đặt nhưng không được trùng với tên tàu biển đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam;
- Không sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên của tàu biển, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó;
- Không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Mẫu Tờ khai chấp thuận đặt tên:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***Independence - Freedom - Happiness*
-----**TỜ KHAI CHẤP THUẬN ĐẶT TÊN****APPLICATION FOR REGISTRATION OF NAME**

Kính gửi:(1).....

To:(1).....

Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu):
*Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)*Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*trường hợp chủ tàu là tổ chức*):
*Business code*Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):
*Identification/Passport*Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):
Date of birth

Đề nghị đặt tên là:

.....
To request the name

cho ...(2) với các thông số thiết kế dưới đây:

.. *with the following designed particulars*

Hồ hiệu/Số IMO:	Dung tích thực dụng:
<i>Call sign/IMO number</i>	<i>Net tonnage</i>
Loại tàu:(3).....	Tổng dung tích:
<i>Type of ship</i>	<i>Gross tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất:	Trọng tải toàn phần:
<i>Length over all</i>	<i>Dead weight</i>
Chiều rộng:	Ngày bàn giao:
<i>Breadth</i>	<i>Date of delivery</i>
Mớn nước:	Nơi đóng:
<i>Draft</i>	<i>Place of building</i>
Công suất máy chính:	
<i>M.E. power</i>	

Đề nghị nhận kết quả:*Please receive the results*☐ Trực tiếp*Directly*☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....*The postal system (Address)*☐ Khác (nêu rõ).....*Other*

....., ngày ... tháng ... năm.....

*Date***CHỦ SỞ HỮU****Owner***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)	
(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office	(3) Tên phương tiện Name of transport facility
(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)	(4) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài Foreign passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Văn bản chấp thuận đặt tên tàu biển:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐẶT TÊN TÀU BIỂN**

Kính gửi: ...(1).

Căn cứ Điều 21 Bộ luật Hàng hải 2015;

Căn cứ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển của Chính phủ;

Theo đề nghị của ...(1)..... tại Tờ khai chấp thuận đặt tên ngày ...

Cơ quan đăng ký tàu biển...(2)...Chấp thuận đặt tên: ...(3)...cho ..(4)..của ..(1).;

- Mã số doanh nghiệp/Căn cước/Hộ chiếu:

- Địa chỉ, số điện thoại liên hệ:

...(1)...có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục để thực hiện việc đăng ký (4) theo quy định pháp luật./.

Cấp tạingày ... tháng ... năm ..
Họ Tên, chữ ký người có thẩm quyền**Ghi chú (Note):**

(1) Tên Công ty, cá nhân đề nghị

(3) Tên phương tiện, tàu biển

(2) Tên cơ quan thực hiện đăng ký

(4) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

2. Đăng ký tàu biển không thời hạn

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tàu biển không thời hạn trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu;

- Bản chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;

- Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử

được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm Tờ khai lệ phí trước bạ, thông báo nộp tiền của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ và thông báo nộp tiền của cơ quan thuế;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT - lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT - lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT - lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT - lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm;

- Các trường hợp đặc biệt như sau:

+ Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định, cụ thể như sau: Không quá 17 năm đối với tàu container có sức chở 1500 TEUs trở lên; Không quá 20 năm đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi; không quá 25 năm đối với tàu nghiên cứu khoa học, tàu huấn luyện, tàu tìm kiếm cứu nạn được tặng cho, hiến, biếu, đóng góp, viện trợ, tài trợ cho Nhà nước Việt Nam.

+ Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. Các Giấy chứng nhận của tàu biển nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để đăng ký phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB, có thể được đăng ký lại vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam với hình thức đăng ký tàu biển không thời hạn hoặc đăng ký tàu biển loại nhỏ, nếu tuổi của phương tiện phù hợp với các quy định tại mục a.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:..... <i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký: - Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <i>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</i> <i>Independence - Freedom - Happiness</i>	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CERTIFICATE OF REGISTRY	
QR code	
.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾ có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:</i>	
Tên ⁽³⁾ <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu: ⁽⁴⁾ <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION	
A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (<i>Registration for being Vietnamese flagged ship</i>) (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ... <i>is sailing under Vietnamese flag from</i>	
B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (<i>Registration for ownership</i>) (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu): <i>... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)</i>	
Số đăng ký: <i>Number of registration</i> Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ... <i>Issued at, on</i> Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>
Ghi chú (Note): (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho	

(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office	chứa nội Type of transport facility
(3) Tên phương tiện Name of transport facility	registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit
	(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) Type of ship (in case of ship registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

3. Đăng ký tàu biển có thời hạn

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.
- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:
 - + Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;
 - + Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;

- + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã);
- +Bản chính: Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (đối với trường hợp tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển;
- + Bản chính: Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
- + Bản chính: Biên bản bàn giao tàu (kèm bản dịch công chứng hoặc bản sao điện tử bản dịch công chứng được chứng thực từ bản chính nếu biên bản bàn giao viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
- + Bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm Tờ khai lệ phí trước bạ, thông báo nộp tiền của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ và thông báo nộp tiền của cơ quan thuế.
- Trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;
 - +Bản chính: Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (đối với trường hợp tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển;
 - + Bản chính: Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
 - + Bản chính: Biên bản bàn giao tàu (kèm bản dịch công chứng hoặc bản sao điện tử bản dịch công chứng được chứng thực từ bản chính nếu biên bản bàn giao viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
 - + Bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm Tờ khai lệ phí trước bạ, thông báo nộp tiền của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ và thông báo nộp tiền của cơ quan thuế;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc hộ chiếu.

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn.
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyên khoản.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm;
- Các trường hợp đặc biệt như sau:
 - + Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định, cụ thể như sau: Không quá 17 năm đối với tàu container có sức chở 1500 TEUs trở lên; Không quá 20 năm đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi; không quá 25 năm đối với tàu nghiên cứu khoa học, tàu huấn luyện, tàu tìm kiếm cứu nạn được tặng cho, hiến, biếu, đóng góp, viện trợ, tài trợ cho Nhà nước Việt Nam.
 - + Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. Các Giấy chứng nhận của tàu biển nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để đăng ký phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB, có thể được đăng ký lại vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam với hình thức đăng ký tàu biển không thời hạn hoặc đăng ký tàu biển loại nhỏ, nếu tuổi của phương tiện phù hợp với các quy định tại mục a.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Món nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:..... <i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký: - Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <i>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</i> <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN CERTIFICATE OF PERIODICAL REGISTRY	
QR code	
.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký có thời hạn mang cờ quốc tịch Việt Nam trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that the ship with the following particulars has been periodically registered into the Viet Nam national ships registration book and sailing under Vietnamese flag:</i>	
Tên ⁽³⁾ <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu: ⁽⁴⁾ <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION	
A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (<i>Registration for being Vietnamese flagged ship</i>) (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ... đến ngày .../ .../ <i>is sailing under Vietnamese flag from to</i>	
B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (<i>Registration for ownership</i>) (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu): <i>is owed by the (name, address, ratio of ownership)</i>	
Số đăng ký: <i>Number of registration</i> Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ... <i>Issued at, on</i> Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility
registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship
registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

4. Đăng ký tàu biển tạm thời

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.
- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:
 - + Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;
 - + Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

*** Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam:**

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam được cấp 01 bản chính cho chủ tàu đăng ký tàu biển tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam có giá trị sử dụng trong 180 ngày kể từ ngày cấp;
- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam hết hiệu lực khi tàu biển chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức theo quy định tại Nghị định này, cơ quan đăng ký tàu biển nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam gia hạn đăng ký một lần nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam được cấp lần đầu;
- Trường hợp sau khi gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam quy định tại điểm c khoản này mà tàu biển vẫn chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức vì lý do bất khả kháng, Cục trưởng Cục

Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quyết định gia hạn thời gian đăng ký tàu biển tạm thời nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày.

- Trường hợp sau khi gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam quy định tại điểm d khoản này vì lý do bất khả kháng, chủ tàu không thể hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức cho tàu biển, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định gia hạn thời gian đăng ký tàu biển tạm thời nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí, hồ sơ đăng ký bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Bản chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;
 - + Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
 - + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài;
 - + Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
 - + Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;
- Trường hợp chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển, hồ sơ đăng ký bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
 - + Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử

được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử: Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu;

- Trường hợp thử tàu đóng mới, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài;

+ Bản số liệu dung tích của tàu;

- Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

4.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn.

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua cổng dịch

vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm;
- Các trường hợp đặc biệt như sau:

+ Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định, cụ thể như sau: Không quá 17 năm đối với tàu container có sức chở 1500 TEUs trở lên; Không quá 20 năm đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi; không quá 25 năm đối với tàu nghiên cứu khoa học, tàu huấn luyện, tàu tìm kiếm cứu nạn được tặng cho, hiến, biếu, đóng góp, viện trợ, tài trợ cho Nhà nước Việt Nam.

+ Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. Các Giấy chứng nhận của tàu biển nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để đăng ký phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB, có thể được đăng ký lại vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam với hình thức đăng ký tàu biển không thời hạn hoặc đăng ký tàu biển loại nhỏ, nếu tuổi của phương tiện phù hợp với các quy định tại mục a.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy

định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:..... <i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký: - Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI CERTIFICATE OF PROVISIONAL REGISTRATION	
QR code	
.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký tạm thời vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionally registered into the Viet Nam national ships registration book:</i>	
Tên ⁽³⁾ <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu: ⁽⁴⁾ <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION	
A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (<i>Registration for being Vietnamese flagged ship</i>) (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ... đến ngày .../ .../ <i>is sailing under Vietnamese flag from to</i>	
B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (<i>Registration for ownership</i>) (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu): <i>is owed by the (name, address, ratio of ownership)</i>	
Số đăng ký: <i>Number of registration</i> Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ... <i>Issued at, on</i> Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office
(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility
registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

5. Đăng ký tàu biển đang đóng

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.
- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:
 - + Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;
 - + Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển ký trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu. Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu;
- Bản chính: Hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc hợp đồng mua bán tàu biển đang đóng (kèm bản dịch công chứng hoặc bản sao điện tử bản dịch công chứng được chứng thực từ bản chính nếu biên bản bàn giao viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);
- Bản chính: Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm; trường hợp tàu không có sống chính thì sử dụng giấy xác nhận của cơ sở đóng tàu, đồng thời có xác nhận của tổ chức đăng kiểm giám sát

về việc đã lắp ráp thân vỏ tàu đạt 50 tấn khối lượng hoặc 1% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài.

* Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.

5.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn.
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đang đóng.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:..... <i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký: - Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*sign, full name and stamp*)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship

registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đang đóng:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----		QR code
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN ĐANG ĐÓNG CERTIFICATE OF REGISTRY UNDER CONSTRUCTION		
..... ⁽¹⁾ Chứng nhận ⁽²⁾ đang đóng có các thông số thiết kế dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that (2) under construction with the following designed particulars has been registered into the Viet Nam National Ships Registration Book:</i>		
Tên ⁽³⁾ <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu: ⁽⁴⁾ <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>	
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BIỂN (<i>Registration for ownership</i>) (2)& (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu): <i>is owed by the shipowner (name, address, ratio of ownership)</i>		
Số đăng ký: <i>Number of registration</i> Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ... <i>Issued at, on</i> Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>	
Ghi chú (Note): (1) Tên cơ quan đăng ký <i>The ship Registration office</i> (3) Tên phương tiện <i>Name of transport facility</i>		
(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi <i>Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)</i>		

	(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) Type of ship (in case of ship registration/registry)
--	---

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

6. Đăng ký tàu biển loại nhỏ

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.
- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:
 - + Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;
 - + Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu;
- Bản chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới;
- Bản chính: Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (kèm bản dịch công chứng hoặc bản sao điện tử bản dịch công chứng được chứng thực từ bản chính nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định gồm tờ khai lệ phí trước bạ, thông báo nộp tiền của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ và thông báo nộp tiền của cơ quan thuế;
 - Bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp chủ tàu là hợp tác xã) hoặc giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài);
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hộ chiếu đối với trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài;
 - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển.
- * Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).
- b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển loại nhỏ.

6.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

Đăng ký tàu biển loại nhỏ là việc đăng ký tàu biển có động cơ với công suất máy chính dưới 75 kW hoặc tàu biển không có động cơ nhưng có tổng dung tích dưới 50 hoặc có tổng trọng tải dưới 100 tấn hoặc có chiều dài đường nước thiết kế dưới 20 mét, và đáp ứng điều kiện sau:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm;
- Các trường hợp đặc biệt như sau:

+ Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định, cụ thể như sau: Không quá 17 năm đối với tàu container có sức chở 1500 TEUs trở lên; Không quá 20 năm đối với các loại tàu: chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi; không quá 25 năm đối với tàu nghiên cứu khoa học, tàu huấn luyện, tàu tìm kiếm cứu nạn được tặng cho, hiến, biếu, đóng góp, viện trợ, tài trợ cho Nhà nước Việt Nam.

+ Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. Các Giấy chứng nhận của tàu biển nước ngoài khi làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để đăng ký phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB, có thể được đăng ký lại vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam với hình thức đăng ký tàu biển không thời hạn hoặc đăng ký tàu biển loại nhỏ, nếu tuổi của phương tiện phù hợp với các quy định tại mục a.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR REGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây: <i>Kindly register the ship with the following particulars:</i>	
Tên(3).....	Trọng tải toàn phần:
<i>Name</i>	<i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
<i>Call sign/IMO number</i>	<i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4).....	Dung tích thực dụng:
<i>Type of ship</i>	<i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
<i>Length over all</i>	<i>Year of building</i>
Chiều rộng:	Nơi đóng:
<i>Breadth</i>	<i>Place of building</i>
Món nước:	Nơi đăng ký:
<i>Draft</i>	<i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
<i>M.E. power</i>	<i>Classification Agency</i>
	Ngày bàn giao:.....
	<i>Date of delivery</i>
Tên tàu cũ (nếu có)..... <i>Former Name</i>	
- Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam <i>Registration for flying Vietnamese flag</i>	
Nội dung đăng ký:	
- Đăng ký quyền sở hữu <i>Registration for ownership</i>	
Hình thức đăng ký: <i>Kind of registration</i>	
Lý do (5):..... <i>Reasons</i>	
Dự kiến cảng tới đầu tiên tại Việt Nam....., thời gian.....(6)..... <i>First expected port of call in Vietnam, dd/mm/yyyy</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (trường hợp chủ tàu là tổ chức): <i>Business code</i>	

Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Identification/Passport

Ngày sinh (*trường hợp chủ tàu là cá nhân*):.....
Date of birth

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship

registration/registry)

(5) Trong trường hợp đăng ký tạm thời

In case of provisional registration

(6) Trong trường hợp cấp giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

In case of provisional permission of flying vietnamese flag

(7) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign Passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <i>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</i> <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----			
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CERTIFICATE OF REGISTRY			
QR code			
..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:</i> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Tên (3)..... <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu: (4)..... <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có): <i>Former Name</i> </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i> </td> </tr> </table>		Tên(3)..... <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có): <i>Former Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>
Tên(3)..... <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i> Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i> Chiều rộng: <i>Breadth</i> Mớn nước: <i>Draft</i> Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i> Tên tàu cũ (nếu có): <i>Former Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i> Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i> Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i> Năm đóng: <i>Year of building</i> Nơi đóng: <i>Place of building</i> Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i> Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>		
NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CONTENT OF REGISTRATION			
A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (<i>Registration for being Vietnamese flagged ship</i>) (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ... <i>is sailing under Vietnamese flag from</i>			
B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (<i>Registration for ownership</i>) (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu): <i>... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)</i>			

Số đăng ký: <i>Number of registration</i>	<i>Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ...</i> <i>Issued at, on</i>
Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>
Ghi chú (Note):	
(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office	(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi
(3) Tên phương tiện Name of transport facility	Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)
	(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) Type of ship (in case of ship registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

7. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

* Trường hợp cấp lại: giấy chứng nhận đăng ký tàu biển bị mất, hư hỏng, cơ quan đăng ký tàu biển cấp lại cho chủ tàu trên cơ sở hình thức đăng ký trước đó của tàu biển.

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho tổ chức, cá nhân; thực hiện thu hồi, hủy bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ (trường hợp bị hư hỏng), đồng thời, gửi văn bản thông báo việc cấp lại cho bên nhận thế chấp trong trường hợp tàu đang thế chấp; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

7.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 10% của mức thu đăng ký không thời hạn.
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc công dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; gửi trả cho cơ quan đăng ký tàu biển bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ ngay sau khi nhận được kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020;

- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> ----- TỜ KHAI CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR RE-ISSUE CERTIFICATE OF REGISTRY Kính gửi:(1)..... To:(1)..... Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i> Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (<i>trường hợp chủ tàu là tổ chức</i>): <i>Business code</i> Mã ĐDCN/ số CCCD/ Số thẻ căn cước/ Số Hộ chiếu (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):..... <i>Identification/Passport</i> Ngày sinh (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):..... <i>Date of birth</i> Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho(2) có các thông số dưới đây: <i>Kindly re-issue the certificate for the ship with the following particulars</i> Tên:(3)..... <i>Name</i> Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i> Số Giấy chứng nhận đăng ký:; Ngày đăng ký: <i>Number of registration</i> <i>Date of registration</i> Lý do đề nghị cấp lại: <i>Reason of re-issue</i> Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có): <i>Relevance documents attachment (if any)</i> Đề nghị nhận kết quả: , ngày ... tháng ... năm..... <i>Please receive the results</i> <i>Date</i>	
--	--

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(*sign, full name and stamp*)

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CERTIFICATE OF REGISTRY

QR code

.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:
.....Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên
.....(3).....
Name
Hô hiệu/Số IMO:
.....
Call sign/IMO number
Loại tàu:
.....(4).....
Type of ship
Chiều dài lớn nhất:
.....
Length over all
Chiều rộng:
.....
Breadth
Mớn nước:
.....
Draft
Tổng công suất máy chính:
.....
M.E. power
Tên tàu cũ (nếu có):
Former Name

Trọng tải toàn phần:
.....
Dead weight
Tổng dung tích:
.....
Gross tonnage
Dung tích thực dụng:
.....
Net tonnage
Năm đóng:
.....
Year of building
Nơi đóng:
.....
Place of building
Nơi đăng ký:
.....
Place of registry
Tổ chức đăng kiểm:
.....
Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)
..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../.../...
is sailing under Vietnamese flag from
B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)
..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: <i>Number of registration</i>	<i>Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ...</i> <i>Issued at, on</i>
Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>
Ghi chú (Note):	
(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office	(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi
(3) Tên phương tiện Name of transport facility	Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)
	(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) Type of ship (in case of ship registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

8. Xóa đăng ký

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký; đồng thời thực hiện thu hồi, hủy bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ trên hệ thống; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ khai xóa đăng ký theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai xóa đăng ký;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- a) Tàu biển Việt Nam được xóa đăng ký tại Việt Nam trong các trường hợp sau:
- Bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt được;
 - Mất tích;
 - Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
 - Không còn tính năng tàu biển;
 - Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển.
- b) Trong các trường hợp tàu biển không còn tính năng tàu biển và theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển, tàu biển đang thế chấp chỉ được xóa đăng ký tàu biển Việt Nam, nếu người nhận thế chấp tàu biển đó chấp thuận;
- c) Khi xóa đăng ký tàu biển hoặc xóa đăng ký tàu biển đang đóng, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký;
- d) Chủ tàu phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký tàu biển trong thời hạn quy định đối với một số trường hợp sau:
- Chậm nhất trong vòng 60 ngày kể từ khi tàu biển không còn tính năng tàu biển; bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không trục vớt được;
 - Chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ khi tàu biển bị mất tích;
 - Chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ khi chủ tàu không còn trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.
- đ) Tàu biển Việt Nam đăng ký tạm thời không được xóa đăng ký nếu chưa nộp phí, lệ phí theo quy định;
- e) Trường hợp tàu biển đang được thế chấp thì phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp trước khi tiến hành thủ tục xóa đăng ký tàu biển.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Mẫu Tờ khai xóa đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----	
TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR DEREGISTRATION	
Kính gửi:(1)..... To:(1).....	
Đề nghị xóa đăng ký(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày ... tháng ... năm <i>Kindly deregister the with the following particulars from date</i>	
Tên(3)..... <i>Name</i>	Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu): <i>Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)</i>	
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (<i>trường hợp chủ tàu là tổ chức</i>): <i>Business cod</i>	
Mã ĐDCN/số CCCD/Số thẻ căn cước/Số Hộ chiếu (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):..... <i>Identification/Passport</i>	
Ngày sinh (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):..... <i>Date of birth</i>	
Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ): <i>Applicant (name, address)</i>	
Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>	
Số đăng ký:; <i>Number of registration</i>	Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>
Cơ quan đăng ký: <i>The Registrar of ship</i>	

Lý do xin xóa đăng ký

.....

Reasons to deregister

Đề nghị nhận kết quả:

Please receive the results

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

☐ Trực tiếp

Directly

☐ Qua hệ thống bưu chính (*Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận*).....

The postal system (Address)

☐ Khác (nêu rõ).....

Other

Ghi chú (Note)

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility

registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating

production storage and offloading; mobile

offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là cá nhân người nước ngoài

Foreign passport (for foreign individual shipowners)

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

Mẫu Giấy chứng nhận xóa đăng ký:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i> -----		QR code
GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ CERTIFICATE OF DEREGISTRATION		
.....⁽¹⁾ Chứng nhận⁽²⁾..... có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam: <i>Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:</i>		
Tên ⁽³⁾ <i>Name</i>	Hồ hiệu/số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	
Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu): <i>Owner (Full name, address, ratio of ownership)</i>		
Số GCN đăng ký: <i>Number of registration</i>		
Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>		
Cơ quan đăng ký: <i>The Registrar of ship</i>		
Người đề nghị (tên, địa chỉ): <i>Applicant (name, address)</i>		
Lý do xóa đăng ký <i>Reasons to deregister</i>		
Ngày có hiệu lực xóa đăng ký: <i>Date of deregiste</i>		
Số Giấy chứng nhận: <i>Number of certificate</i>	Cấp tại, ngày ... tháng ... năm <i>Issued at, on</i> Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>	

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi

Type of transport facility
registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship
registration/registry)

Lưu ý: Giấy chứng nhận xóa đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.

9. Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây hoặc cơ quan đăng ký tàu biển mới trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu;

+ Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính nếu hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, gửi cho tổ chức cá nhân nộp hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chậm nhất 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận mới cho tổ chức, cá nhân; đồng thời thực hiện thu hồi, hủy bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ trên hệ thống. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan đăng ký tàu biển trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị đăng ký nội dung thay đổi theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính: Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển, giấy chứng nhận dung tích tàu biển (trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, tổ chức đăng kiểm tàu biển);

- Trường hợp tàu biển đang được thế chấp thì phải nộp thêm bản chính văn bản đồng ý của bên nhận thế chấp.
- Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

9.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 5% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ Tài chính, nộp trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển hoặc công dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận kết quả; gửi trả cho cơ quan đăng ký tàu biển bản chính giấy chứng nhận đăng ký cũ ngay sau khi nhận được kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Tờ khai đăng ký thay đổi;
- Giấy chứng nhận đăng ký.

9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

Tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên tàu, tên chủ tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, cơ quan đăng ký tàu biển, tổ chức đăng kiểm tàu biển thì chậm nhất sau 30 ngày, chủ tàu phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển mới tương ứng với hình thức đăng ký đã cấp trước đây.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 247/2025/NĐ-Cp ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2020.
- Thông tư số 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký thay đổi:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***Independence - Freedom - Happiness*

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI**APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION**

Kính gửi:(1).....

To:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change of the ship with the following particulars:

Tên(3).....

Name

Trọng tải toàn phần:

Dead weight

Hô hiệu/Số IMO:

Call sign/IMO number

Tổng dung tích:

Gross tonnage

Loại tàu:(4).....

Type of ship

Dung tích thực dụng:

Net tonnage

Chiều dài lớn nhất:

Length over all

Năm đóng:

Year of building

Chiều rộng:

Breadth

Nơi đóng:

Place of building

Mớn nước:

Draft

Nơi đăng ký:

Place of registry

Tổng công suất máy chính:

M.E. power

Tổ chức đăng kiểm:

Classification Agency

Tên tàu cũ (nếu

có).....

Former Name

Nội dung thay đổi:

Change in

Lý do thay đổi:

Reasons to change

Chủ sở hữu (Họ và Tên, địa chỉ, điện thoại, tỉ lệ sở hữu):

.....

Owner (Full name, address, telephone, ratio of ownership)

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (<i>trường hợp chủ tàu là tổ chức</i>):	
<i>Business code</i>	
Mã ĐDCN/số CCCD/Số thẻ căn cước/Số Hộ chiếu (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):.....	
<i>Identification/Passport</i>	
Ngày sinh (<i>trường hợp chủ tàu là cá nhân</i>):.....	
<i>Date of birth</i>	
Đề nghị nhận kết quả: <i>Please receive the results</i> ☐ Trực tiếp <i>Directly</i> ☐ Qua hệ thống bưu chính (<i>Ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận</i>)..... <i>The postal system (Address)</i> ☐ Khác (nêu rõ)..... <i>Other</i> Ghi chú (Note) (1) Tên cơ quan đăng ký <i>The ship Registration office</i> (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi <i>Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)</i> (3) Tên phương tiện <i>Name of transport facility</i>	, ngày ... tháng ... năm..... <i>Date</i> CHỦ SỞ HỮU Owner (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) <i>(sign, full name and stamp)</i> (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) <i>Type of ship (in case of ship registration/registry)</i> (5) Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với chủ tàu là công dân nước ngoài <i>Foreign Passport (for foreign individual shipowners)</i>

Lưu ý: Cơ quan Đăng ký tàu biển phải tận dụng tối đa CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong việc xác minh các thông tin có liên quan tên, địa chỉ của chủ sở hữu. Chỉ yêu cầu người thực hiện TTHC cung cấp tài liệu minh chứng trong trường hợp các CSDL quốc gia trả kết quả không chính xác đối với các thông tin trong bản khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CERTIFICATE OF REGISTRY

QR code

(1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:
.....Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên
.....(3).....
Name

Hồ hiệu/Số IMO:
.....
Call sign/IMO number

Loại tàu:
.....(4).....
Type of ship

Chiều dài lớn nhất:
.....
Length over all

Chiều rộng:
.....
Breadth

Mớn nước:
.....
Draft

Tổng công suất máy chính:
.....
M.E. power

Tên tàu cũ (nếu có).....
Former Name

Trọng tải toàn phần:
.....
Dead weight

Tổng dung tích:
.....
Gross tonnage

Dung tích thực dụng:
.....
Net tonnage

Năm đóng:
.....
Year of building

Nơi đóng:
.....
Place of building

Nơi đăng ký:
.....
Place of registry

Tổ chức đăng kiểm:
.....
Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)
..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày .../ .../ ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)
..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký:
.....
Number of registration

Cấp tại, ngày ... tháng ... năm ...
Issued at ..., on ...

Ngày đăng ký: <i>Date of registration</i>	Họ và Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized official</i>
Ghi chú (Note): (1) Tên cơ quan đăng ký <i>The ship Registration office</i> (3) Tên phương tiện <i>Name of transport facility</i>	(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; dàn khoan, tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi <i>Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)</i> (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển) <i>Type of ship (in case of ship registration/registry)</i>

Lưu ý: Giấy chứng nhận đăng ký được cấp từ 01/01/2027 phải có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký tàu biển.